

Số: 884 /QĐ-UBND

Đông Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách**  
**năm 2026 của xã Đông Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Giang Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Ba về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã Đông Giang năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Giang Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Ba về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 192/TTr-KT ngày 31/12/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Đông Giang năm 2026.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính;
- Đảng ủy xã;
- Hội đồng nhân dân xã;
- CT, các PCT xã;
- Các cơ quan, ban ngành của xã;
- Các trường thôn;
- Trang thông tin điện tử xã (để đăng tải);
- Lưu: VT,KT(Duyên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Coor Le



Biểu số 108/CK TC - NSNN

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đông Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>228.410,000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>228.410,000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	2.346,000	I. Chi đầu tư phát triển	30.934,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	54.066,000	II. Chi thường xuyên	189.115,000
III. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	171.998,000	III. Chi dự phòng NS	3.658,000
- Bổ sung cân đối ngân sách	126.467,000	IV. Chi tạo nguồn , điều chỉnh tiền lương	4.703,000
- Bổ sung có mục tiêu	45.531,000	V. Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
IV. Thu chuyển nguồn		VI. Chi từ nguồn kết dư ngân sách	
V. Thu Kết dư			

*SW*

SUUITb-24/02/2026 15:58:27

**ĐỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đông Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	ĐỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>Tổng số thu</b>	<b>258.998,000</b>	<b>228.410,000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>21.770,000</b>	<b>2.346,000</b>
1	Phí, lệ phí (kể cả lệ phí môn bài)	2.105,000	2.105,000
2	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	30,000	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15,000	15,000
4	Thu khác	19.620,000	226,000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>65.230,000</b>	<b>54.066,000</b>
1	Thuế giá trị gia tăng	29.910,000	24.826
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.270,000	1.054,000
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.540,000	26.178,000
4	Tiền sử dụng đất	2.500	2.000
5	Thu tiền cho thuê đất	10,000	8,000
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>171.998,000</b>	<b>171.998,000</b>
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	126.467,000	126.467,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	45.531,000	45.531,000
<b>IV</b>	<b>Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đông Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3
	<b>TỔNG CHI (1)</b>	<b>228.410,000</b>	<b>30.934</b>	<b>197.476,000</b>
	Trong đó			
01	Chi giáo dục- Đào tạo	70.816,340	309,340	70.507,000
02	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	2.155,000	155,000	2.000,000
03	Chi y tế	9.329,000		9.329,000
04	Chi văn hóa, thông tin	673,000		673,000
05	Chi phát thanh, truyền thanh	381,000		381,000
06	Chi thể dục thể thao	578,000		578,000
07	Chi bảo vệ môi trường	2.070,000		2.070,000
08	Chi sự nghiệp kinh tế	42.628,660	30.469,660	12.159,000
09	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	61.822,600		61.822,600
10	Chi đảm bảo xã hội	22.995,400		22.995,400
11	Chi an ninh	1.592,000		1.592,000
12	Chi quốc phòng	3.028,000		3.028,000
13	Chi khác	1.980,000		1.980,000
14	Dự phòng ngân sách	3.658,000		3.658,000
15	Chi tạo nguồn CCTL	4.703,000		4.703,000
16	Chi chuyển nguồn từ năm trc chuyển sang	0,000		
17	Chi từ nguồn kết dư ngân sách	0,000		



Biểu số 111/CK TC-NSNN

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đông Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>49.964,07</b>		<b>9.294,07</b>	<b>8.385,83</b>	<b>30.934,00</b>		<b>30.934,00</b>	
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>9294,07</b>	<b>0</b>	<b>9294,07</b>	<b>8385,832</b>	<b>908,238</b>	<b>908,238</b>	<b>908,238</b>	
Thủy lợi suối Mơ Túc, cánh đồng A Rêh, xã Tà Lu	2022-2024	962,46		962,46	953,394	9,066	9,066	9,066	
Thủy lợi A Roong, xã A Rooi	2022-2024	1050,933		1050,933	652,457	398,476	398,476	398,476	
Đường trung tâm xã (điểm đầu Km0+700 đến Km1+500)	2019-2020	956,734		956,734	908,897	47,837	47,837	47,837	
Đường trung tâm xã (điểm đầu từ nhà A Lăng Hum đến Km0+700)	2019-2020	1658,364		1658,364	1492,528	165,836	165,836	165,836	
Đường Tu Ngung (Tu Ngung - A Bung) cũ đoạn 1+2 (điểm đầu từ đường ĐHS đến Km0+800)	2019-2020	1260,546		1260,546	1134,491	126,055	126,055	126,055	
Công trình: Đường GTNT từ đường 14G ngay tại nhà ông Pơ Loong Tách đến nhà ông Briu Nhảl, hạng mục: Bê tông hóa mặt đường	2021-2024	397,811		397,811	379,343	18,468	18,468	18,468	
Nước sinh hoạt liên thôn Aréh Đhờ Rờng giai đoạn 1	2021-2022	1110,121		1110,121	1054,615	55,506	55,506	55,506	
Nước sinh hoạt liên thôn Aréh Đhờ Rờng giai đoạn 2	2022-2023	1025,245		1025,245	982,564	42,681	42,681	42,681	
Đường Trung tâm xã từ thôn Aréh ( Nay là thôn Aréh Đhờng) đến thôn Pà Nai giai đoạn 4	2022-2023	871,856		871,856	827,543	44,313	44,313	44,313	
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		<b>40.670,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.025,76</b>		<b>30.025,76</b>	
<b>Văn hóa thông tin</b>		<b>10.000,00</b>				<b>8.000,00</b>		<b>8.000,00</b>	
Xây mới một số dãy phòng học, phòng thư viện và một số hạng mục khác trường tiểu học A Rooi để đạt chuẩn	2026	10.000,00				8.000,00		8.000,00	
<b>Đường giao thông</b>		<b>15.000,00</b>				<b>10.000,00</b>		<b>10.000,00</b>	
Thăm nhập nhựa, nâng cấp về hệ các tuyến đường ĐX trên địa bàn xã	2026	15.000,00				10.000,00		10.000,00	
<b>Định canh, định cư</b>		<b>15.000,00</b>				<b>11.361,42</b>		<b>11.361,42</b>	
Khu Tái định cư thôn A Duông	2026	15.000,00				11.361,42		11.361,42	
<b>Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề tối thiểu 1% tổng chi NS cấp xã</b>		<b>310,00</b>				<b>309,34</b>		<b>309,34</b>	
<b>Chi KHCN, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo tối thiểu 0,5% tổng chi NS cấp xã</b>		<b>160,00</b>				<b>155,00</b>		<b>155,00</b>	
<b>Trích 10% do đặc đất</b>		<b>200,00</b>				<b>200,00</b>		<b>200,00</b>	

*SW*